

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 15/2024/HS-ST

Ngày 27 - 3 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Tiên, ông Nguyễn Tấn Bốn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 24/2024/TLST - HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024, đối với:

- Bị cáo: TRẦN THỊ T, tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 12 tháng 11 năm 1995 tại tỉnh Bình Định

Nguyên quán: xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Nơi thường trú: Thôn La Hà 1, xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.

Nơi ở hiện tại: Thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Nghề nghiệp: Công nhân; không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Số CCCD: 052195010214, cấp 12 tháng 8 năm 2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an. Con ông: Trần Kim Ứng, sinh năm 1968 và bà Hà Thị Hiệp, sinh năm 1969; có chồng: Huỳnh Kim Lạc, sinh năm 1994; có con Nguyễn Hoàng Hưng, sinh năm 2013 (con chồng trước đã ly hôn); con Huỳnh Kim Thúy Vy, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Thị T bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/2/2024 đến ngày 27/3/2024.

Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

+ Bà LƯƠNG THỊ N, sinh năm 1968;

+ Ông Huỳnh Kim T, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: thôn La Hà 1, xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nhung, ông Tân có mặt.

- Người chứng kiến:

+ Bà Bùi Thị Thu Thảo, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Thảo xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bị cáo Tiên không muốn chung sống với gia đình chồng (gia đình bị hại bà LƯƠNG THỊ N, ông Huỳnh Kim T tại thôn La Hà 1, xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi) nên bị cáo về nhà cha mẹ ruột ở Bình Định tìm việc làm và sinh sống. Vào khoảng 11 giờ ngày 10/4/2023, bị cáo trở về nhà bị hại để lấy giấy tờ làm thủ tục chuyển nơi cư trú. Đến nơi, bị cáo quan sát không có ai, nhà đóng khóa. Bị cáo đi cửa sau vào nhà để tìm lấy giấy tờ. Trong lúc, tìm kiếm giấy tờ, bị cáo biết nơi để chìa khóa học tử tại buồng ngủ, bị cáo lấy chìa khóa mở và phát hiện trong học tử có một túi ni lông màu đen, bị cáo mở bên trong túi ni lông có 01 (một) áo vải màu cam - đen chấm trắng, bên trong áo phát hiện thấy 01 (một) tráp nhựa hình tròn, màu hồng - đỏ nhạt, đường kính khoảng 05cm (đã qua sử dụng). Bị cáo mở hộp nhựa thấy bên trong có một số vàng, gồm: 01 (một) chiếc dây đeo tay bằng vàng; 02 (hai) nhẫn vàng, mỗi chiếc 01 (một) chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn vàng 02 (hai) chỉ. Sau đó, bị cáo bỏ tráp nhựa cùng với toàn bộ số vàng nêu trên vào trong cặp đi học màu hồng rời khỏi nhà cùng với bà Tuyền đến Công an xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa để được hướng dẫn thủ tục chuyển khẩu. Xong việc, cả hai đón xe về thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Sự việc chiếm đoạt vàng của bị hại, bà Tuyền đi cùng không biết.

Tại Bình Định, bị cáo Tiên một mình đi đến tiệm vàng Mỹ Linh tại thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bán 01 (một) chiếc dây đeo tay bằng vàng với giá 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 (một) nhẫn vàng loại 1 chỉ, với giá 5.030.000 đồng (năm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng số vàng bán được là 7.730.000 đồng (bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Số tiền trên Tiên đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết 3.830.000 đồng (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng). Còn lại số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) Tiên cất giấu cùng với 01 (một) nhẫn vàng 01 (một) chỉ, bên trong có in chữ NGỌC THIÊN PHẨM 97% 1C; 01 (một) nhẫn vàng 02 (hai) chỉ bên trong có chữ, số “TIÊN DŨNG, 9999 2C” trong buồng ngủ tại nhà cha mẹ ruột của Tiên.

Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa triệu tập làm việc, bị cáo Tiên đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tài sản trên.

Tại Kết luận giám định số 918/KL-KTHS ngày 22/5/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 01 chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng bên trong có chữ số “NGOC THIÊN PHẨM 97% 1C” gửi đi giám định có kim loại vàng, hàm lượng của kim loại vàng là 97%, khối lượng mẫu là 3,74gam; 01 nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng bên trong có chữ số “Tiền Dũng, 9999” gửi đi giám định có kim loại vàng, hàm lượng kim loại vàng là 97%, khối lượng mẫu là 7,49 gam. Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KT-HĐĐGTS, ngày 21/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tư Nghĩa là 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo Tiền đã trộm cắp tài sản của bị hại là 23.330.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa xử lý trả lại cho bị hại: 01 (một) chiếc nhẫn kim loại hình tròn, màu vàng; bên trong có in chữ NGOC THIÊN PHẨM 97% 1C; 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng, bên trong có in chữ TIỀN DŨNG, 9999 2C. Đối với tiền, đồ vật khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa để chờ xử lý theo qui định.

Về dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo Tiền trả lại những tài sản đã lấy gồm: 01 (một) sợi dây đeo cổ loại vàng 9999 khối lượng 05 chỉ; 01 (một) chiếc dây đeo tay loại vàng tây, khối lượng loại 02 chỉ; 02 (hai) nhẫn loại vàng 9999 khối lượng mỗi nhẫn 02 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn loại vàng 9999 khối 01 (một) chỉ. Nhưng bị hại không chứng minh được giá trị cụ thể là bao nhiêu và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Tiền thừa nhận có trộm của của bị hại gồm: 01 (một) chiếc dây đeo tay bằng vàng tây; 02 (hai) nhẫn vàng, mỗi chiếc 01 (một) chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn vàng 02 (hai) chỉ. Do đó, có sự chênh lệch về số vàng bị cáo Tiền đã lấy trộm của bị hại theo lời bị khai của bị cáo và số vàng bị mất theo lời khai của bị hại.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS- TN ngày 15/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đã truy tố bị cáo TRẦN THỊ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phát biểu phân tích tính chất của vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị xử phạt bị cáo TRẦN THỊ T từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị hại số tiền 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn đồng) đồng, tuyên tịch thu tiêu hủy các đồ vật không còn giá trị sử dụng và buộc bị cáo Tiền phải bồi thường cho bị hại số tiền 3.830.000 (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng. Về án phí đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo theo qui định.

Tranh luận tại phiên tòa: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định truy tố của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo TRẦN THỊ T khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thể hiện:

[2.1] Trong khi tìm kiếm tài liệu, giấy tờ để thực hiện thủ tục hành chính bị cáo phát hiện tài sản của bị hại và đã chiếm đoạt số tài sản gồm: 01 (một) chiếc dây đeo tay bằng vàng tây; 02 (hai) nhẫn vàng, mỗi chiếc 01 (một) chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn vàng 02 (hai) chỉ. Tài sản bị cáo Tiền chiếm đoạt có giá trị thành tiền tại thời điểm chiếm đoạt 23.330.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn). Hành vi của bị cáo Tiền đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đối với bị cáo TRẦN THỊ T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với lời khai của bị hại, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng chưa đủ cơ sở chứng minh được số lượng tài sản theo lời bị hại khai. Theo quy định về giới hạn xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử chỉ xét xử đối với giá trị tài sản bị chiếm đoạt đã được chứng minh.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo Tiền là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[3.2] Tình tiết tăng nặng: Không.

[3.3] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Tiền thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp lại một phần số tài sản và số tiền đã bán tài sản chiếm đoạt. Trường hợp bị cáo là phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng. Hiện tại bị cáo nuôi hai con nhỏ, tài sản trộm cắp bị cáo chi tiêu, mua đồ sinh hoạt cho con của bị cáo. Các tình tiết này được quy định điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét tình tiết này khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản trong vụ án

[4.1] 01 (một) chiếc nhẫn kim loại hình tròn, màu vàng; bên trong có in chữ NGỌC THIÊN PHẨM 97% 1C; 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, màu vàng, bên trong có in chữ TIẾN DŨNG, 9999 2C, cơ quan cảnh sát điều tra xử lý trả lại cho bị hại là phù hợp Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[4.2] Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng). Là số tiền bán được từ tài sản chiếm đoạt của bị hại nên trả lại cho bị hại.

[4.3] 01 (một) ổ khóa màu đen, hiệu Việt - Tiệp, cao 07cm, rộng 04cm, 02 (hai) chìa khóa (đều đã qua sử dụng); 01 (một) áo vải dài tay, màu cam, bên trong có lớp vải màu đen chấm trắng (đã qua sử dụng); 01 (một) túi nilong màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) hộp nhựa hình tròn, màu hồng - đỏ (loại hộp nhỏ) bên trên có một dòng chữ “VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ” là của TRẦN THỊ T lấy ở nhà mẹ Tiền dùng để đựng vàng trộm có được, 01 (một) túi màu hồng là túi đựng sách vở đi học của con TRẦN THỊ T. Tại phiên tòa, bị hại và bị cáo trình bày những tài sản này không còn giá trị sử dụng được và đề nghị xử lý theo qui định nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[5] Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo Tiền trả lại những tài sản đã nhưng bị hại, không chứng minh được giá trị cụ thể là bao nhiêu, bị cáo chỉ thừa nhận trộm cắp của bị hại tài sản có giá trị là 23.330.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn), Cơ quan tiến hành tố tụng chưa chứng minh được số tài sản chênh lệch mà bị hại khai mất. Do đó, chỉ buộc bị cáo Tiền phải bồi thường cho bị hại số tiền 3.830.000 (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và án phí về bồi thường dân sự 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[8] Ông Huỳnh Thanh Trung, bà Nguyễn Thị Thanh Lợi mua vàng (tài sản trộm cắp) nhưng không biết đây là tài sản trộm cắp; bà Trần Kim Tuyền (chị ruột của Tiền) đi cùng bị cáo nhưng không biết bị cáo trộm cắp, tiêu thụ tài sản trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.2 Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.3 Xử phạt bị cáo Trần Thị T 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo Trần Thị T là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (27/3/2024).

1.4 Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

2.1 Tuyên trả lại bà LƯƠNG THỊ N, ông Huỳnh Kim T số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn) đồng được lưu tại kho bạc nhà nước huyện Tư Nghĩa, theo giấy nộp tiền ngày 18/08/2023 tại ngân hàng Agribank của công an huyện Tư Nghĩa.

2.2 Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) ổ khóa màu đen, hiệu Việt - Tiệp, cao 07cm, rộng 04cm, 02 (hai) chìa khóa (đều đã qua sử dụng);

- 01 (một) áo vải dài tay, màu cam, bên trong có lớp vải màu đen chấm trắng (đã qua sử dụng);

- 01 (một) túi nilong màu đen đã qua sử dụng.

- 01 (một) hộp nhựa hình tròn, màu hồng - đỏ (loại hộp nhỏ) bên trên có một dòng chữ “VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ” là của TRẦN THỊ T lấy ở nhà mẹ Tiên dùng để đựng vàng trộm có được,

- 01 (một) túi màu hồng là túi đựng sách vở đi học của con TRẦN THỊ T

Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Chi cục THADS và Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa ngày 28/11/2023.

3. Căn cứ Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo TRẦN THỊ T bồi thường cho bà LƯƠNG THỊ N, ông Huỳnh Kim T 3.830.000 (ba triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng.

3.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3.2 Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí

4.1 Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Thị Tiền phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự.

4.2 Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án; buộc bị cáo Trần Thị Tiền phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự.

5. Bị cáo TRẦN THỊ T, bị hại bà LƯƠNG THỊ N, ông Huỳnh Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tư Nghĩa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Hòa